TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KHOÁI CHÂU** **TỈNH HƯNG YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 75/2021/HS-ST
Ngày 17-8-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn H.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Lê Thị O.
2. Ông Lê Quang T.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh L– Thư ký Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị T – Kiểm sát viên.

Ngày 17-8-2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 63/2021/TLST-HS ngày 09-7-2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 73/2021/QĐXXST-HS ngày 02-8-2021 đối với:

1. Bị cáo: Đàm Trọng T, sinh năm 1994; Nơi cư trú: thôn T, xã A V, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Con ông Đàm Trọng T1, sinh năm 1968 và con bà Đặng Thị H, sinh năm 1967; Vợ, con: Chưa có; Tiền án: Không; Tiền sự: Ngày 29-5-2020, T bị Công an huyện Khoái Châu xử phạt vi phạm hành chính về hành chính về hành vi "Trộm cắp tài sản"; Ngày 11-3-2021, T bị Công an huyện Khoái Châu xử phạt vi phạm hành chính về hành vi "Tàng trữ trái phép chất ma túy"; T bị bắt tạm giam từ ngày 24-6-2021, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hưng Yên. *(Có mặt)*

2. Người bị hại: Bà Đỗ Thị T2, sinh năm 1971; trú tại: thôn Đ K, xã Đ K, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên. *(Vắng mặt)*

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
3.1. Bà Đặng Thị H, sinh năm 1967; *(Có mặt)*
3.2. Ông Đàm Trọng T1, sinh năm 1968; *(Vắng mặt)*
Đều trú tại: thôn T, xã A V, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên.

4. Người làm chứng:

4.1. Ông Đỗ Đắc P, sinh năm 1968;

4.2. Ông Vũ Đình Q, sinh năm 1977.

Đều trú tại: thôn Đ K, xã Đ K, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên. *(Đều vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 12 giờ 30 ngày 28/4/2021, Đàm Trọng T điều khiển xe mô tô biển số 89L1-247.67 một mình đi từ xã T C, huyện Khoái Châu hướng đi xã Đ K, huyện Khoái Châu để về nhà. Khi đến khu vực chân dốc Bái thuộc thôn Đ K, xã Đ K thấy bên tay phải hướng đi có ngôi nhà của bà Đỗ Thị T2, sinh năm 1971 cửa xếp đang mở, không có người bên trong nên T nảy sinh ý định vào trong nhà trộm cắp tài sản mang bán lấy tiền tiêu xài. T dựng xe mô tô trước cửa nhà, đeo khẩu trang rồi đi bộ vào trong. T đi qua cổng rồi đi qua gian nhà để xe, qua cửa chính đi vào phòng khách. Thấy bà T2đang nằm ngủ ở ghế gỗ dài nên T nhẹ nhàng đi qua phòng khách vào khu vực bếp tìm tài sản để trộm cắp, do không có tài sản nào giá trị nên T đi ra. T đi xe mô tô hướng về xã T C ngồi uống nước ở quán ven đường. Khoảng 05 phút sau, T lại dắt xe mô tô đứng trước cửa nhà bà T2rồi dựng xe, tiếp tục đi vào trong nhà tìm tài sản để trộm cắp. Khi T đi đến phòng khách thấy trên chiếc ghế gỗ dài cạnh chỗ bà T2đang nằm ngủ có 01 chiếc điện thoại di động Iphone 7 plus màu đen. T tiến lại gần chỗ bà T2, tay phải cầm điện thoại cho vào túi quần bên phải của mình rồi nhẹ nhàng đi ra ngoài điều khiển xe mô tô đi về nhà. Sau khi tỉnh dậy bà T2thấy mất điện thoại, xem camera thì phát hiện bị một thanh niên trộm cắp nên đã viết đơn trình báo Công an xã Đ K.

Quá trình rà soát đối tượng, Công an xã Đ K đã triệu tập Đàm Trọng T làm việc, T đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như trên đồng thời giao nộp chiếc điện thoại cho Công an xã Đ K. Công an xã Đ K đã thu giữ và niêm phong đoạn video ghi lại hình ảnh Đàm Trọng T đi vào nhà bà Đỗ Thị T2 và bàn giao hồ sơ vụ việc cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Khoái Châu giải quyết theo thẩm quyền.

Ngày 04/5/2021, Cơ quan điều tra Công an huyện Khoái Châu đã ra Yêu cầu định giá tài sản đối với Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng huyện Khoái Châu xác định giá trị của chiếc điện thoại nêu trên. Tại bản kết luận định giá tài sản số 34/KLĐG ngày 26/5/2021của Hội đồng định giá tài sản xác định: Giá trị của chiếc điện thoại di động Iphone 7 plus màu đen tại thời điểm định giá là 3.200.000đ (*Ba triệu hai trăm nghìn đồng*).

Ngày 18/5/2021, Cơ quan điều tra Công an huyện Khoái Châu đã ra Quyết định trưng cầu giám định đối với hình ảnh video đã thu giữ. Tại bản kết luận giám định số 3837/C09-P6 ngày 07/6/2021 của Viện khoa học hình sự Bộ công

an kết luận: Không tìm thấy dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa nội dung hình ảnh trong các tệp video mẫu cần giám định.

Quá trình điều tra xác định: Chiếc xe mô tô biển số 89L1-247.67 thuộc sở hữu của ông Đàm Trọng T1 (bố đẻ của T). Ông T1không biết T đã sử dụng chiếc xe mô tô để đi trộm cắp tài sản, Ông T1đã bán chiếc xe cho một người không rõ tên tuổi địa chỉ nên không có căn cứ xem xét xử lý.

Ngày 24/6/2021, Cơ quan điều tra Công an huyện Khoái Châu đã trao trả chiếc điện thoại di động Iphone 7 plus cho bà Đỗ Thị T2, bà T2đã nhận lại tài sản và không yêu cầu gì.

Bản cáo trạng số 72/CT-VKS-KC ngày 09-7-2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên truy tố bị cáo Đàm Trọng T về tội *"Trộm cắp tài sản"* theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa:

- Bị cáo T khẩn nhận tội và khai báo diễn biến hành vi phạm tội như hành vi của bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên truy tố trong bản cáo trạng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (bà H) trình bày: Chiếc xe mô tô Biển số 89L1-247.67 mà T đã dùng làm phương tiện phạm tội là tài sản thuộc quyền sở hữu của vợ chồng bà, hiện nay chồng bà (ông T1) đã bán chiếc xe mô tô nói trên cho người đi đường, không biết tên, địa chỉ. Ngoài ra, bà H không có ý kiến gì.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân giữ nguyên quyết định truy tố đối với Đàm Trọng T và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bị cáo Đàm Trọng T phạm tội *"Trộm cắp tài sản"*; căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm h,i,s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015; xử phạt Đàm Trọng T từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 24-6-2021; Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với T; Về dân sự, không đặt ra giải quyết; Về xử lý vật chứng: Đã được xử lý trong quá trình điều tra nên không đặt ra giải quyết.

Bị cáo không tranh luận gì;

Bị cáo nói lời sau cùng: Nhận thức được lỗi lầm của mình, ăn năn hối cải và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào chứng cứ và tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Khoái Châu, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan xuất trình tài liệu, chứng cứ phù hợp với quy định của pháp luật và không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã được thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp khách quan với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra và được chứng minh bằng các chứng cứ khác như: Lời khai của người bị hại, người làm chứng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án; Kết luận định giá tài sản…, thể hiện: Khoảng hơn 12 giờ 30 phút, ngày 28-4-2021, tại thôn Đ K, xã Đ K, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên, Đàm Trọng T đã có hành vi trộm cắp 01 chiếc điện thoại di động Iphone 7 plus, màu đen, trị giá 3.200.000đ *(Ba triệu, hai trăm nghìn đồng)* của bà Đỗ Thị T2, sinh năm 1971.

Với hành vi nêu trên của Đàm Trọng T đã phạm tội *"Trộm cắp tài sản"*, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu đã truy tố T theo tội danh và điều luật áp dụng được thể hiện trong Cáo trạng số 72/CT-VKS-KC ngày 09-7-2021 là có căn cứ.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân, gây mất trật tự trị an xã hội, gây tâm lý lo lắng trong quần chúng nhân dân. Bị cáo có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi của mình nhưng cố ý phạm tội, thể hiện bị cáo không chịu rèn luyện bản thân nên cần xử lý nghiêm.

[3]. Đánh giá các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân, của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy:

Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân xấu thể hiện việc bị cáo là đối tượng nghiện chất ma túy, nhiều lần bị xử phạt vi phạm hành chính nhưng không chịu tu dưỡng rèn luyện bản thân mà tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo T khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu và

thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại; bố đẻ bị cáo được tặng thưởng nhiều huy chương trong công tác; ông nội bị cáo là Liệt sĩ. Do đó, cần cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h,i,s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Với tính chất, mức độ hành vi phạm tội, với đặc điểm nhân thân cùng tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như đã phân tích, thấy cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đảm bảo việc giáo dục, cải tạo bị cáo nói riêng và phòng chống tội phạm nói chung.

[4]. Về hình phạt bổ sung, theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự quy định *"Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng"*, do đó bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo là đối tượng nghiện chất ma túy, lao động tự do, không có thu nhập, không có tài sản riêng. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5]. Về vật chứng: Đã được xử lý trong quá trình điều tra nên không đặt ra giải quyết.

[6]. Về trách nhiệm dân sự: Tài sản do T trộm cắp, Cơ quan điều tra đã thu giữ và trả lại cho người bị hại, người bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường gì khác nên không đặt ra giải quyết.

[7]. Về án phí: Bị cáo Đàm Trọng T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án.

[8]. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm h,i,s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Tuyên bố: Đàm Trọng T phạm tội *"Trộm cắp tài sản"*.

Xử phạt: Đàm Trọng T 01 *(một)* năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 24-6-2021.

2. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

3. Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra giải quyết.

4. Về vật chứng: Đã được xử lý trong quá trình điều tra nên không đặt ra giải quyết.

5. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Đàm Trọng T phải chịu 200.000 đồng *(hai trăm nghìn đồng)* án phí Hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331; Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Bị cáo có quyền kháng cáo bản án và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần nội dung bản án có liên quan đến quyền lợi của mình trong hạn 15 kể từ ngày tuyên án. Người bị hại *(vắng mặt)* có quyền kháng cáo bản án và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan *(vắng mặt)* có quyền kháng cáo phần nội dung bản án có liên quan đến quyền lợi của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Tòa án, VKSND tỉnh Hưng Yên;
- Trại tạm giam CA tỉnh Hưng Yên;
- Viện kiểm sát, Công an huyện Khoái Châu;
- Chi cục THADS huyện Khoái Châu;
- Bị cáo; bị hại;
- Người có quyền lợi liên quan;
- UBND xã An Vĩ, Đ K;
- Lưu hồ sơ vụ án, VPTA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Huấn